TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 233/QĐ-HHC	*Nghệ An, ngày 03 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HHC-HĐQT ngày 20/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-HHC ngày 29/05/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-HHC ngày 29/05/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025 ngày 02/6/2025 giữa Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hoàng Trường An;

Xét Tờ trình số 01/TTr-TCG ngày 02/6/2025 của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại Nhà máy thủy điện

Hủa Na năm 2025 với các nội dung chính như sau:

I. Kết quả chỉ định thầu.

- Nhà thầu trúng chỉ định thầu: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hoàng Trường An.

- Địa chỉ trụ sở của nhà thầu: Số 41, đường Tú Xương, khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

- Mã số doanh nghiệp số: 2901 978 856

- Giá trúng chỉ định thầu sau thuế GTGT (10%): 469.571.911 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm mười một đồng./.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

II. Nội dung hợp đồng.

1. Đối tượng hợp đồng

Chủ đầu tư *(gọi tắt là Bên A)* giao cho Nhà thầu *(gọi tắt là Bên B)* thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo đúng Phương án kỹ thuật đã được phê duyệt, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Điều kiện chung (ĐKC) và Điều kiện cụ thể (ĐKCT) của hợp đồng.

2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Tổng thời gian thực hiện hợp đồng là 60 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng sau thuế là: 469.571.911 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm mười một đồng./.

Trong đó:

+ Giá trị trước thuế: 426.883.555 đồng;

+ Thuế GTGT (10%): 42.688.356 đồng.

Chi tiết giá Hợp đồng được nêu trong Phụ lục kèm theo. Giá hợp đồng đã được giảm giá 3% cho từng đơn giá trong Quyết định số 222/QĐ-HHC ngày 29/5/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Giá trị trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, các khoản thuế, phí, chi phí liên quan để thực hiện đầy đủ toàn bộ trách nhiệm và nội dung công việc theo Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm, nghĩa vụ nộp hoặc thực hiện toàn bộ các khoản thuế, phí và các chi phí này với các cơ quan chức năng của Nhà nước.

4. Tạm ứng:

- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng sau thuế, tương ứng số tiền 140.871.573 đồng *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, năm trăm bảy mươi ba đồng).*

- Thời gian tạm ứng: trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Bên A nhận được các chứng từ sau:

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng (bản gốc) hoặc tài liệu chứng minh Bên B đã đặt cọc theo quy định;

+ Công văn đề nghị tạm ứng;

- Giá trị tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán theo tỷ lệ tạm ứng. Việc thu hồi vốn tạm ứng được bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu và thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng khi giá trị khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá trị Hợp đồng.

5. Thanh toán:

5.1. Thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị hoàn thành (bao gồm cả tạm ứng) cho mỗi đợt nghiệm thu hoàn thành giai đoạn. Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu giai đoạn nhân với đơn giá trong hợp đồng. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được các hồ sơ, tài liệu bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (07 bộ gốc);
- Bảng tính giá trị hoàn thành được Bên A xác nhận (07 bộ gốc);
- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (03 bản gốc);
- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Các văn bản, tài liệu và hồ sơ, chứng từ khác có liên quan theo quy định.

5.2. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng:

- Quyết toán: Trong vòng 45 ngày sau khi hạng mục công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, hai bên lập hồ sơ nghiệm thu quyết toán A-B theo quy định. Bên A sẽ thanh toán đến 95% giá trị quyết toán (5% giữ lại để bảo hành) cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được các hồ sơ, tài liệu bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng A-B (07 bộ gốc);

+ Biên bản nghiệm thu quyết toán giá trị A-B (07 bộ gốc);

+ Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (03 bản gốc);

+ Hóa đơn giá trị gia tăng;

+ Các văn bản, tài liệu và hồ sơ, chứng từ khác có liên quan theo quy định.

- Thanh toán giá trị bảo hành: Khi hết thời hạn bảo hành (sau 12 tháng kể

từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng) Bên A sẽ thanh toán 5% giá trị còn lại cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được các hồ sơ, tài liệu bao gồm:

+ Biên bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành (07 bộ gốc);

+ Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (03 bản gốc);

+ Hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có);

- Thanh lý: Khi hết thời hạn bảo hành và các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của hợp đồng, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định.

Chi tiết như biên bản thương thảo hợp đồng.

Điều 2. Giao cho các Phòng, Phân xưởng, Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu phối hợp với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hoàng Trường An triển khai thực hiện các bước tiếp đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng, Phân xưởng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- HĐQT, TBKS (để b/c);
- Lưu VT, HS.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D:2900797430 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA
H.QUỲ PHONG - T.NGHỆ AN

Bùi Huy Thành

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

GÓI THẦU: BẢO TRÌ, SỬA CHỮA VÀ CẢI TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TẠI NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN HỦA NA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-HHC ngày 03/6/2025 của Giám đốc PVPOWER HHC)

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	**Cải tạo bể đựng téc dầu DIESEL tại Nhà máy:**				
1	Cẩu téc dầu lên, xuống bể bằng máy cẩu 3T:	Ca	1,000	1.281.099	1.281.099
2	Xây gờ chắn nước xung quanh téc dầu bằng gạch bê tông - vữa XM M50, PCB40	m3	0,160	1.910.675	305.708
3	Trát bờ bao xung quanh bằng vữa XMM50	m2	4,800	95.366	457.757
II	**Bê tông sân bể nước sinh hoạt phạm vi lắp đặt hệ thống lọc nước RO:**				
1	San gạt tạo mặt bằng bằng thủ công:	Công	3	338.676	1.016.028
2	Bê tông sân bể nước M200, đá 1x2, PCB40	m3	4,600	1.697.225	7.807.235
III	**Cải tạo khuôn viên cổng nhà máy, khuôn viên hồ điều hoà:**				
1	Trồng cỏ nhật, cây dứa, san tạo mặt bằng và xếp sỏi cuội tại khuôn viên hạ lưu nhà máy	100m2	7,725	2.133.660	16.482.524
2	Trồng cỏ nhật, san tạo mặt bằng và xếp sỏi cuội tại khuôn viên Hồ điều hoà	100m2	7,136	2.133.660	15.225.798
IV	**Cải tạo nhà để ca nô tại đường hạ thủy ca nô:**				
1	Đào xúc đất để đắp bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	100m3	1,200	1.149.253	1.379.104
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 300m - Cấp đất III	100m3	1,200	1.423.399	1.708.079
3	San gạt đất tạo mặt bằng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	100m3	1,200	1.250.386	1.500.463
4	Ván khuôn thép. Ván khuôn nền nhà.	100m2	0,079	5.549.050	438.375
5	Bê tông nền nhà M250, đá 1x2, PCB40	m3	10,800	1.769.191	19.107.263
V	**Khơi thông cống thoát nước đường VH1:**				
1	Khơi thông cống thoát nước, khơi thông rãnh thoát nước đường VH1 bằng máy đào 0,8m3	Ca	2,000	2.775.299	5.550.598
2	Đào xúc đất để đắp bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	100m3	0,200	1.149.253	229.851
3	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 300m - Cấp đất III	100m3	0,200	1.423.399	284.680
4	San đất, đắp đất thân cống bằng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	100m3	0,200	1.250.386	250.077

5	Đào xúc đất sạt lở bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất II	100m3	2,665	917.117	2.444.117
6	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 300m - Cấp đất II	100m3	2,665	1.140.642	3.039.811
VI	**Cải tạo sân bóng chuyền, sân Pickleball tại khu nhà làm việc và khu cư xá số 1:**				
1	Đào đất mở rộng sân bóng bằng thủ công - Cấp đất III	1m3	5,500	264.167	1.452.919
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 300m - Cấp đất III	100m3	0,055	1.423.399	78.287
3	Ván khuôn thép. Ván khuôn nền sân bóng	100m2	0,043	5.549.050	238.609
4	Bê tông nền mở rộng sân bóng đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	5,500	1.697.225	9.334.738
5	Bê tông mặt sân bóng M250, đá 1x2, PCB40	m3	15,400	1.769.191	27.245.541
6	Láng vữa xi măng M100 tạo mặt phẳng sân bóng	m2	220,000	59.781	13.151.820
7	Đắp đất trồng cỏ tôn nền xung quanh sân bóng	Công	6	338.676	2.032.056
VII	**Cải tạo hệ thống thoát nước vệ sinh tại khu nhà ở và khu nhà làm việc:**				
1	Đào đất để lắp đặt đai khởi thủy	Công	10	338.676	3.386.760
2	Lắp đặt đai khởi thủy HDPE D90/42	cái	11	122.489	1.347.379
3	Lắp đặt co PVC d42	cái	50	20.679	1.033.950
4	Lắp đặt ống nhựa PVC (C2) - Đường kính 42mm	100m	0,550	4.541.389	2.497.764
5	Lắp đặt đai inox giữ ống D42	cái	351,697	21.403	7.527.371
VIII	**Trồng cây xanh, cây cảnh trổ hoa tại khu 3:**				
1	Phát quang dọn mặt bằng thủ công	Công	3	338.676	1.016.028
2	Đào hố trồng cây KT 0,5x0,5x0,5m - Cấp đất II	1m3	20,625	403.024	8.312.370
3	Phát quang dọn mặt bằng thủ công	Công	15,000	338.676	5.080.140
4	Trồng cây ban, hoa các loại	cây	165,000	163.068	26.906.220
IX	**Phát dọn mái cơ nhà máy và cải tạo cột điện số 1 đường dây 35kV:**				
1	Máy đào 0,8m3 dọn mặt bằng cột điện số 1 (mặt bằng TBA cũ)	ca	0,500	2.775.299	1.387.650
2	Đào san đất móng nền bằng thủ công - Cấp đất III	1m3	6,000	264.167	1.585.002
3	Xây móng bằng đá hộc - vữa XM M100, PCB40	m3	1,500	1.750.847	2.626.271
4	Bê tông nền trạm đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,000	1.697.225	3.394.450
5	Phát quang dọn vệ sinh mái cơ nhà máy	100m2	114,129	321.742	36.720.093
X	**Làm móng Cổng chào đường VH4, cải tạo khuôn viên trước đài tưởng niệm:**				
	Móng trụ cổng:				

1	Đào móng trụ cổng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	100m3	0,068	2.957.037	201.079
2	Bê tông lót móng M150, đá 4x6, PCB40	m3	0,450	1.517.034	682.665
3	Lắp dựng cốt thép móng trụ cổng, ĐK 10mm	tấn	0,125	21.756.326	2.719.541
4	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng trụ cổng	100m2	0,166	13.157.008	2.184.063
5	Bê tông móng trụ cổng M250, đá 1x2, PCB40	m3	5,154	1.783.297	9.191.113
	Dựng cổng chào đường VH4:				
6	Đào xúc đất để đắp (biện pháp thi công đứng máy để dựng cổng chào) bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	100m3	0,480	1.149.253	551.641
7	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 500m - Cấp đất III	100m3	0,480	1.750.396	840.190
8	Lắp dựng cổng chào bằng máy đào 0,8m3	Ca	2,000	2.775.299	5.550.598
	Khuôn viên trước cổng VH4:				
9	Đào móng gờ chắn đất bằng thủ công - Cấp đất III	1m3	3,276	443.665	1.453.447
10	Xây gờ chắn đất bằng gạch bê tông vữa M50, XM PCB40	m3	2,867	1.910.675	5.477.905
11	Trát tường chắn đất bằng vữa M75, XM PCB40	m2	53,235	97.060	5.166.989
12	Đào xúc đất màu để đắp bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất II	100m3	0,660	917.117	605.297
13	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 500m - Cấp đất II	100m3	0,660	1.440.710	950.869
14	Xúc sỏi cuội lòng sông và đá cảnh máy đào 0,8m3 lên phương tiện vận chuyển	100m3	0,150	1.882.116	282.317
15	Vận chuyển sỏi cuội bằng ô tô 7 tấn cự ly 500m	100m3	0,150	2.814.098	422.115
16	Bốc xếp sỏi cuội và chít mạch bằng thủ công, trồng hoa xếp sỏi tạo cảnh quan:	Công	41	374.362	15.348.842
17	Bê tông lề đường M200, đá 1x2, PCB40	m3	7,230	1.711.331	12.372.923
XI	**Cải tạo phòng ở tập thể nhà 9 gian:**				
1	Lát nền nhà bằng gạch Pocelain (in KTS xương mỏng 8,5mm) KT 600x600, vữa XM M75, PCB40	m2	109,080	302.187	32.962.558
2	Dọn vệ sinh bằng thủ công, đào lắp đặt đường ống vệ sinh	Công	2	338.676	677.352
3	Bê tông nền nhà vệ sinh M150, đá 1x2, PCB40	m3	1,584	1.626.243	2.575.969
4	Lắp đặt xí xổm	bộ	3,000	1.029.542	3.088.626
XII	**Cải tạo bồn hoa Nhà khách:**				
1	Đào xúc đất màu để đắp bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất I	100m3	0,281	765.463	215.095
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 1000m - Cấp đất I	100m3	0,281	1.696.538	476.727
3	Vận chuyển đất 5km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 7T, trong phạm vi ≤5km - Cấp đất I	100m3 /1km	0,281	3.616.203	1.016.153

4	Vận chuyển đất 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 7T, ngoài phạm vi 5km - Cấp đất I	100m3 /1km	0,281	575.129	161.611
5	Đào xúc đất vào bồn hoa - Cấp đất I	1m3	28,100	152.404	4.282.552
XIII	**Cải tạo, sửa chữa tuyến đường VH3:**				
1	Láng nhựa mặt đường 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m2	100m2	2,260	14.124.951	31.922.389
2	Thi công mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm, chiều dày mặt đường 10cm	100m2	2,260	9.513.984	21.501.604
3	Đào lề đường, khuôn đường bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất IV	100m3	0,279	3.229.720	901.092
XIV	**Cải tạo, sửa chữa mương thoát nước tuyến đường VH2:**				
1	Đào khuôn rãnh thoát nước bằng thủ công (lý trình Km0+220-Km0+229, phải tuyến) - Cấp đất III	1m3	7,898	548.655	4.333.277
2	Xây rãnh thoát nước bằng đá hộc vữa XM M100, PCB40	m3	6,825	1.750.847	11.949.531
XV	**Xúc sạt lở tại đường bảo trì lên Tháp điều áp:**				
1	Đào xúc đất sạt lở bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất II	100m3	3,500	917.117	3.209.910
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 500m - Cấp đất II	100m3	3,500	1.440.710	5.042.485
XVI	**Một số công việc khác:**				
1	Trồng cây thông mái cơ hầm phụ 2, khu vực mái cơ đập chính	Công	4	338.676	1.354.704
2	Đào móng cột đèn chiếu sáng khuôn viên hạ lưu Nhà máy bằng thủ công - Cấp đất III	1m3	0,875	643.484	563.049
3	Bê tông móng cột đèn M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,000	1.783.297	1.783.297
A	**Cộng giá trị trước thuế:**				**426.883.555**
B	**Thuế VAT (A x 10%)**				**42.688.356**
C	**Cộng giá trị sau thuế (A+B)**				**469.571.911**

Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm mười một đồng./.